

Bản án số: 105/2018/HS-PT
Ngày: 10-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc;

Bà Lưu Thị Mỹ Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Lữ Thị Lệ Huyền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 121/2018/TLPT-HS ngày 28 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Lê Xuân Đ, Ngô Văn T, Nguyễn Xuân C1, Lê Quang P, Bùi Văn S, Nguyễn Minh T1, Phạm Quốc H, Trần Văn N do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2018/HS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

Họ và tên các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn C, sinh năm 1962 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Ấp Đ, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V (chết) và bà Đàm Thị M (chết); bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị M1, sinh năm 1965 và có 04 người con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 19/3/2018 đến ngày 26/3/2018 được trả tự do và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Lê Xuân Đ, sinh năm 1970 tại tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: Ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc Á (chết) và bà Trần Thị H1, sinh năm 1947; bị cáo có vợ tên là Phạm Thị H2, sinh năm 1965 và 04 người con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 19/3/2018 đến ngày 26/3/2018

được trả tự do và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Ngô Văn T, sinh năm 1965 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Ấp T, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Ngọc B (chết) và bà Khiếu Thị T2 (chết); bị cáo có vợ tên Đỗ Thị M2, sinh năm 1965 và có 04 người con, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt giữ từ ngày 19/3/2018 đến ngày 20/3/2018 được trả tự do và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Nhân thân: Ngày 20/12/2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 09 (chín) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt ngày 22/01/2014.

4. Nguyễn Xuân C1, sinh năm 1986 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn T3, sinh năm 1933 và bà Trần Thanh T4, sinh năm 1955; bị cáo có vợ tên Lê Thị Ngọc T5, sinh năm 1987 và 01 người con, sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 19/3/2018 đến ngày 23/3/2018 được trả tự do và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Lê Quang P, sinh năm 1976 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: Ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Cạo mủ cao su; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang D, sinh năm 1941 và bà Bùi Thị D1, sinh năm 1943; bị cáo có vợ tên Lê Thị G, sinh năm 1976 và 03 người con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 19/3/2018 đến ngày 26/3/2018 được trả tự do và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. Bùi Văn S, sinh năm 1977 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Ấp C, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Duy T6, sinh năm 1951 và bà Trần Thị Đ1, sinh năm 1954; bị cáo có vợ tên Nguyễn Bạch Y, sinh năm 1981 (đã ly hôn), và 01 người con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 19/3/2018 đến ngày 26/3/2018 được trả tự do và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

7. Nguyễn Minh T1, sinh năm 1979 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn T7 (chết) và bà Nguyễn Thị N1 (chết); bị cáo có vợ tên Cao Thị Thu H3, sinh năm 1984 và 02 người con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 19/3/2018 đến ngày

26/3/2018 được trả tự do và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

8. Phạm Quốc H, sinh năm 1984 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Ấp R, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L, sinh năm 1947 và bà Triệu Thị M3, sinh năm 1953; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Ngọc T8, sinh năm 1992 (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 19/3/2018 đến ngày 26/3/2018 được trả tự do và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Nhân thân:

Ngày 27/6/2006, bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 11/7/2007.

Ngày 09/6/2009, bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 03 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" và "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 30/8/2010.

9. Trần Văn N, sinh năm 1986 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; chỗ ở: Ấp C, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V1, sinh năm 1962 và bà Phan Thị H4, sinh năm 1961; bị cáo có vợ tên Bùi Thị L1, sinh năm 1987 và 02 người con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt giữ từ ngày 19/3/2018 đến ngày 20/3/2018 được trả tự do và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 19/3/2018, tại nhà của Lê Xuân Đ thuộc ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, Đ rủ Nguyễn Văn C, Ngô Văn T chơi đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức chơi "xóc đĩa", mỗi ván từ 20.000 đồng đến 100.000 đồng, C đứng ra làm cái. Khi C, Đ, T đang đánh bạc thì Lê Quang P, Nguyễn Xuân C1, Nguyễn Minh T1, Phạm Quốc H, Bùi Văn S, Trần Văn N đến tham gia đánh bạc cùng với C, Đ, T. Cả nhóm chơi đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì bị Công an xã A bắt quả tang thu giữ cùng tang vật.

Qua điều tra các bị cáo đã khai nhận:

- Nguyễn Văn C sử dụng 10.200.000 đồng để đánh bạc, lúc đầu C lấy ra 2.200.000 đồng và đánh thua hết, C lấy thêm 2.000.000 đồng tiếp tục đánh bạc và cho Đ mượn 500.000 đồng để đánh bạc. Khi Công an bắt quả tang, C cất giấu 6.000.000 đồng vào đồng tiêu xanh gần chiếu bạc và bỏ tiền ra chiếu bạc; không rõ số tiền thắng, thua.

- Lê Xuân Đ sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc, đánh thua hết; Đ mượn của C 500.000 đồng để tiếp tục đánh bạc. Khi Công an bắt quả tang, Đ bỏ tiền ra chiếu bạc; không rõ số tiền thắng, thua.

- Ngô Văn T sử dụng 900.000 đồng để đánh bạc; không rõ thắng, thua. Khi Công an bắt quả tang đã thu giữ trên người T 600.000 đồng, số tiền còn lại T đã bỏ ra chiếu bạc.

- Lê Quang P sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc; không rõ thắng, thua. Khi Công an bắt quả tang P đã bỏ toàn bộ tiền ra chiếu bạc.

- Nguyễn Xuân C1 sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc; không rõ thắng, thua. Khi Công an bắt quả tang đã thu giữ trên người C1 200.000 đồng, số tiền còn lại C1 đã bỏ ra chiếu bạc.

- Phạm Quốc H đem theo số tiền 6.500.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc và đánh thua hết nên H không đánh nữa, H ngồi uống nước trà và để 6.000.000 đồng dưới khay nước thì bị Công an bắt quả tang thu giữ 6.000.000 đồng.

- Trần Văn N sử dụng số tiền 400.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang Công an thu giữ trên người N 400.000 đồng.

- Bùi Văn S sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc; không rõ thắng, thua. Khi bị bắt quả tang S bỏ toàn bộ tiền ra chiếu bạc.

- Nguyễn Minh T1 sử dụng số tiền 50.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang T1 bỏ tiền ra chiếu bạc.

Mặc dù các bị cáo khai nhận sử dụng số tiền 13.450.000 đồng để đánh bạc nhưng quá trình điều tra chỉ có căn cứ chứng minh tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 12.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện P thu giữ:

- 01 cái đĩa, 01 cái chén, 04 vị bài cắt thành hình tròn, 01 cái mền màu xám;

- Số tiền 12.000.000 đồng gồm: Số tiền 6.000.000 đồng thu tại đồng tiêu xanh cách chiếu bạc 1,5 m của Nguyễn Văn C; số tiền 4.800.000 đồng tại chiếu bạc; 600.000 đồng trên người T, 400.000 đồng trên người N, 200.000 đồng trên người C1.

- Số tiền 6.000.000 đồng thu dưới khay nước trà cách chiếu bạc 01 m của Phạm Quốc H.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2018/HS-ST ngày 13/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn C, Lê Xuân Đ, Ngô Văn T, Nguyễn Xuân C1, Lê Quang P, Bùi Văn S, Nguyễn Minh T1, Phạm Quốc H, Trần Văn N phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 26/3/2018.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Ngô Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Phạm Quốc H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 26/3/2018.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 26/3/2018.

+ Xử phạt bị cáo Lê Xuân Đ 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 26/3/2018.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân C1 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 23/3/2018.

+ Xử phạt bị cáo Lê Quang P 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 26/3/2018.

+ Xử phạt bị cáo Bùi Văn S 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 26/3/2018.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Văn N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/7/2018 và ngày 24/7/2018, các bị cáo Phạm Quốc H, Ngô Văn T, Lê Xuân Đ, Nguyễn Văn C, Trần Văn N, Bùi Văn S, Nguyễn Minh T1, Lê Quang P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt (đơn kháng cáo trong hạn luật định).

Ngày 25/7/2018, bị cáo Nguyễn Xuân C1 kháng cáo xin hưởng án treo (đơn kháng cáo trong hạn luật định).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết đối với vụ án: Các bị cáo kháng cáo là trong thời hạn luật định. Việc xác định tội danh, điều luật Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng: Bị cáo C sử dụng số tiền đánh bạc lớn, khi đánh bạc bị cáo C làm cái; bị cáo T và bị cáo H có nhân thân xấu; do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo C, T, H, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo này. Đối với kháng cáo của các bị cáo Đ, C1, P, S, T1, N: Các bị cáo có nhân thân tốt và sử dụng số tiền đánh bạc không lớn; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt tiền với mức phạt tiền của mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng-25.000.000 đồng.

Bị cáo Lê Xuân Đ, Ngô Văn T, Nguyễn Văn C, Trần Văn N, Bùi Văn S trình bày và nói lời sau cùng tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và hòa nhập với xã hội.

Bị cáo Nguyễn Xuân C1 trình bày và nói lời sau cùng tại phiên tòa: Bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo chỉ mới phạm tội lần đầu, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo Lê Quang P trình bày và nói lời sau cùng tại phiên tòa: Bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình để bị cáo có điều kiện chăm sóc cha mẹ già và các con nhỏ.

Bị cáo Nguyễn Minh T1 trình bày và nói lời sau cùng tại phiên tòa: Số tiền bị cáo phạm tội không lớn; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có hộ khẩu thường trú tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo có cơ hội chăm lo cho gia đình.

Bị cáo Phạm Quốc H trình bày và nói lời sau cùng tại phiên tòa: Bị cáo là lao động chính trong gia đình và đang nuôi con nhỏ do vợ bị cáo đã bỏ nhà đi từ rất lâu. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 19/3/2018 tại nhà của bị cáo Lê Xuân Đ thuộc ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; các bị cáo Nguyễn Văn C, Lê Xuân Đ, Ngô Văn T, Nguyễn Xuân C1, Lê Quang P, Bùi Văn S, Nguyễn Minh T1, Phạm Quốc H, Trần Văn N đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi "xóc đĩa"; đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì bị Công an xã A, huyện P bắt quả tang số tiền trên chiếu bạc và số tiền trên người các bị cáo dùng để đánh bạc với tổng số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) (bị cáo C sử dụng số tiền 10.200.000

đồng, Đ sử dụng số tiền 200.000 đồng, T sử dụng số tiền 900.000 đồng, P sử dụng số tiền 200.000 đồng, C1 sử dụng số tiền 500.000 đồng, H sử dụng số tiền 500.000 đồng, N sử dụng số tiền 400.000 đồng, S sử dụng số tiền 500.000 đồng, T1 sử dụng số tiền 50.000 đồng để tham gia đánh bạc; tổng số tiền đánh bạc là 13.450.000 đồng nhưng cơ quan điều tra chỉ thu giữ được số tiền trên chiếu bạc và trên người các bị cáo dùng để đánh bạc là 12.000.000 đồng).

[2] Theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì “*Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Văn C, Lê Xuân Đ, Ngô Văn T, Nguyễn Xuân C1, Lê Quang P, Bùi Văn S, Nguyễn Minh T1, Phạm Quốc H, Trần Văn N phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo C, Đ, T, C1, P, S, T1, H, N nhận thức được hành vi “Đánh bạc” là trái pháp luật, bị Nhà nước cấm nhưng vì động cơ tư lợi mà các bị cáo cố tình thực hiện tội phạm, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả gây ra cho xã hội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, trật tự trị an xã hội đồng thời ảnh hưởng đến chính cuộc sống gia đình của các bị cáo.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Mặc dù bị cáo C tham gia đánh bạc với vai trò làm cái, số tiền đánh bạc lớn nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo C cung cấp các chứng cứ là bản sao các giấy khen do Ủy ban nhân dân xã A tặng qua các năm vì có thành tích xuất sắc trong công tác tuyển chọn và gọi thanh niên nhập ngũ, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các bị cáo Đ, C1, P, S, T1, N không phải là đối tượng đánh bạc chuyên nghiệp, tổng số tiền đánh bạc là 12.000.000 đồng (trong đó, bị cáo Đ sử dụng số tiền đánh bạc 200.000 đồng; bị cáo P sử dụng số tiền đánh bạc 200.000 đồng, bị cáo C1 sử dụng số tiền đánh bạc 500.000 đồng, bị cáo N sử dụng số tiền đánh bạc 400.000 đồng, bị cáo S sử dụng số tiền đánh bạc 500.000 đồng, bị cáo T1 sử dụng số tiền đánh bạc 50.000 đồng). Việc áp dụng hình phạt tiền là đủ sức răn đe đối với các bị cáo C, Đ, C1, P, S, T1, N mà không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt tiền, riêng bị cáo C đánh bạc với số tiền lớn hơn các bị cáo khác nên mức phạt tiền sẽ cao hơn.

Đối với kháng cáo của các bị cáo T, H: Các bị cáo T, H có nhân thân xấu; ngoài lần phạm tội trong vụ án này thì trước đó các bị cáo đã bị xử phạt hình sự;

các bị cáo không chấp hành đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[5] Viện Kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, H, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo T, H; đề nghị chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đ, C1, P, S, T1, N, chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt tiền là có căn cứ. Viện Kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo C là chưa xem xét hết tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Đối với ngày các bị cáo bị tạm giữ: Hồ sơ vụ án thể hiện các bị cáo bị Công an xã A, huyện P lập biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 19/3/2018, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngày các bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 20/3/2018 là không đúng và bất lợi cho các bị cáo. Đồng thời, bị cáo N và bị cáo T bị bắt quả tang ngày 19/3/2018, được trả tự do ngày 20/3/2018 nhưng tại phần quyết định của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm không khấu trừ thời gian bị cáo N và bị cáo T bị tạm giữ là không đúng. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ điều chỉnh cho phù hợp, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo T, H nên các bị cáo phải nộp; do Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đ, C1, P, S, T1, N, C nên các bị cáo không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn C, Lê Xuân Đ, Nguyễn Xuân C1, Lê Quang P, Bùi Văn S, Nguyễn Minh T1, Trần Văn N; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2018/HS-ST ngày 13/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện P về phần quyết định hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Lê Xuân Đ, Nguyễn Xuân C1, Lê Quang P, Bùi Văn S, Nguyễn Minh T1, Trần Văn N:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo Lê Xuân Đ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân C1 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo Lê Quang P 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo Bùi Văn S 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn N 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Ngô Văn T và Phạm Quốc H; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2018/HS-ST ngày 13/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện P về phần hình phạt đối với các bị cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Ngô Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/3/2018 đến ngày 20/3/2018.

Xử phạt bị cáo Phạm Quốc H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/3/2018 đến ngày 26/3/2018.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Văn C, Lê Xuân Đ, Nguyễn Xuân C1, Lê Quang P, Bùi Văn S, Nguyễn Minh T1, Trần Văn N không phải nộp.

Các bị cáo Ngô Văn T và Phạm Quốc H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Bình Dương;
- TAND huyện P;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Công an huyện P;
- Bị cáo;
- Tổ HCTP;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Huỳnh Đức

